

Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright

Học kỳ Xuân 2014

BÀI TẬP 4

Nộp đồng thời cả bản in và bản điện tử

Thời hạn nộp: 8g20, Thứ Tư, 16/04/2014

Câu 1. Tác động các yếu tố lên hệ số tài chính (20 điểm)

- A. Hãy phân tích tác động của các yếu tố sau lên: (i) hệ số thanh toán hiện hành, (ii) vốn lưu động, (iii) Vốn chủ sở hữu, (iv) giá trị sổ sách trên một cổ phần thường, (v) lợi nhuận giữ lại. (Giả định hệ số thanh toán hiện hành lớn hơn 1:1)
- Thu các khoản phải thu
 - Xóa khoản nợ phải thu
 - Mua cổ phiếu quỹ
 - Mua hàng tồn kho trả chậm
 - Tuyên bố cổ tức bằng tiền mặt
 - Bán chịu hàng hóa tại mức giá có lợi nhuận
 - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức
 - Trả các khoản phải trả
 - Bán các bất động sản tại mức giá bị lỗ
- B. Công ty A có hệ số thanh toán hiện hành (CR) vào 31/12/2013 là 3:1. Hãy cho biết các nghiệp vụ dưới đây sẽ làm tăng, giảm, hay không đổi đối với CR và vốn lưu động (WC) của Công ty A. (**Lưu ý:** Cần giải thích ngắn gọn lý do)
- Thanh toán tiền mặt mua thương hiệu
 - Xóa khoản phải thu không thể thu hồi
 - Bán thiết bị sản xuất thu tiền mặt
 - Bán hàng hóa có lợi nhuận (tiền mặt)
 - Tuyên bố cổ tức tiền mặt
 - Mua hàng tồn kho trả chậm
 - Loại bỏ một chiếc máy sản xuất đã khấu hao hết (không lời/không lỗ)
 - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
 - Mua một chiếc máy sản xuất được tài trợ từ phát hành trái phiếu
 - Trả cổ tức tiền mặt được tuyên bố trước đó
 - Thu hồi các khoản phải thu
 - Đầu tư vào các chứng khoán ngắn hạn

Câu 2. Hoàn thiện bảng cân đối kế toán (30 điểm)

Chị Phan Thị Lửa là nhân viên kế toán của Công ty Hòa Diệm Sơn. Trong khi thu dọn văn phòng sau đợt hỏa hoạn gần đây, Chị Lửa phát hiện nhiều báo cáo sổ sách kế toán trong năm 2013 của Hòa Diệm Sơn bị cháy, trong đó có bảng cân đối kế toán bị cháy nhiều chỗ không thể đọc rõ. Số liệu ghi lại được trên bảng cân đối kế toán (tại ngày 31/12 các năm) như sau:

Ngoài những số liệu trên, chị Lửa còn nhớ hệ số thanh toán hiện hành (CR) của Công ty cuối năm 2013 là 1,75 và hệ số nợ trên tổng tài sản là 45%. Hãy giúp chị Lửa hoàn thành bảng cân đối kế toán này. (**Lưu ý:** Trình bày cụ thể các cách thức tính toán.)

Đơn vị tính: triệu VND

Tài sản	2013	Nợ và vốn chủ sở hữu	2013
Tài sản ngắn hạn		Nợ phải trả	
Tiền mặt	36.000	Nợ ngắn hạn	
Các khoản phải thu	(A)	Khoản phải trả	63.000
Hàng tồn kho	63.000	Thương phiếu	(E)
Tài sản ngắn hạn khác	13.500	Thuế thu nhập phải trả	27.000
Tổng tài sản ngắn hạn	(B)	Tổng nợ ngắn hạn	120.000
Tài sản dài hạn		Nợ dài hạn	
Nhà xưởng	(C)	Nợ ngân hàng	(F)
Trừ khấu hao	(45.000)	Trái phiếu	67.500
Tổng tài sản dài hạn	270.000	Tổng nợ phải trả	(G)
Tổng tài sản	(D)	Vốn chủ sở hữu	
		Cổ phần thường	135.000
		Lợi nhuận giữ lại	(H)
		Tổng vốn chủ sở hữu	(I)
		Tổng nợ phải trả và VCSH	(J)

Câu 3. Phân tích tỷ số tài chính (50 điểm)

Dưới đây là báo cáo tài chính của Công ty Cartwright Lumber Co.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các năm 2001-2003 và Quý I/2004 (1.000 đô-la)

	2001	2002	2003	Quý 1/2004
Doanh thu thuần	\$1.697	\$2.013	\$2.694	\$718 ^a
Giá vốn hàng bán				
Hàng tồn kho đầu kỳ	183	239	326	418
Mua trong kỳ	1.278	1.524	2.042	660
	\$1.461	\$1.763	\$2.368	\$1.078
Hàng tồn kho cuối kỳ	239	326	418	556
Tổng giá vốn hàng bán	\$1.222	\$1.437	\$1.950	\$ 522
Lợi nhuận gộp	475	576	744	196
Chi phí hoạt động ^b	425	515	658	175
Lãi vay	13	20	33	10
Lợi nhuận trước thuế	\$ 37	\$ 41	\$ 53	\$ 11
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6	7	9	2
Lợi nhuận ròng	\$ 31	\$ 34	\$ 44	\$ 9

Ghi chú:

^aTrong quý I/2003, doanh thu là \$698.000 và lợi nhuận ròng là \$7.000.

^bChi phí hoạt động bao gồm lương của Cartwright: \$75.000 năm 2001, \$85.000 năm 2002, \$95.000 năm 2003 và \$22.000 trong quý I/2004. Cartwright cũng nhận một số khoản chi khác mà chủ của các doanh nghiệp tư nhân thường làm.

Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12 năm 2001-2003 và 31/3/2004 (1.000 đô-la)

	2001	2002	2003	Quý 1/2004
Tiền mặt	\$ 58	\$ 48	\$ 41	\$ 31
Khoản phải thu, ròng	171	222	317	345
Hàng tồn kho	239	326	418	556
Tài sản lưu động	\$468	\$596	\$776	\$ 932
Tài sản cố định, ròng	126	140	157	162
Tổng tài sản	\$594	\$736	\$933	\$1.094
Vay ngắn hạn ngân hàng	\$ --	\$146	\$233	\$ 247
Vay nợ Henry Stark	105	--	--	--
Giấy nợ thương mại	--	--	--	157
Khoản phải trả	124	192	256	243
Chi phí chưa trả	24	30	39	36
Vay dài hạn, phần ngắn hạn	7	7	7	7
Nợ phải trả ngắn hạn	\$260	\$375	\$535	\$ 690
Vay dài hạn	64	57	50	47
Tổng nợ phải trả	\$324	\$432	\$585	\$ 737
Vốn chủ sở hữu	270	304	348	357
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	\$594	\$736	\$933	\$ 1.094

Sử dụng các thông tin đã cho kết hợp thêm thông tin trong nghiên cứu tình huống Cartwright, yêu cầu:

a. Lập báo cáo nguồn tiền và sử dụng nguồn tiền của Cartwright theo mẫu sau:

	2002	2003	Cộng 2002-03
<i>Nguồn</i>			
Vay ngân hàng			
Các khoản phải trả			
Lợi nhuận giữ lại			
Tiền mặt			
Chi phí chưa trả			
			Cộng
<i>Sử dụng</i>			
Khoản phải thu			
Hàng tồn kho			
Trả nợ Henry Stark			
Trả nợ dài hạn			
Tăng TSCĐ (trừ khấu hao)			
			Cộng

b. Lập báo cáo Báo cáo ngân lưu của Cartwright theo mẫu sau:

	2002	2003	Cộng 2002-03
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HĐKD			
Lợi nhuận sau thuế			
Thay đổi khoản phải thu			
Thay đổi hàng tồn kho			
Thay đổi khoản phải trả			
Thay đổi chi phí chưa trả			
NCF từ hoạt động kinh doanh			
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HĐĐT			
Mua sắm TSCĐ			
NCF từ hoạt động đầu tư			
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HĐTC			
Vay ngắn hạn			
Trả nợ Henry Stark			
Trả nợ dài hạn			
NCF từ hoạt động tài chính			
Tổng ngân lưu ròng, NCF			

c. Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dự kiến cho cả năm 2004

	Giá định	2004
Doanh thu thuần		
Giá vốn hàng bán		
Hàng tồn kho đầu kỳ		
Mua trong kỳ		
Hàng tồn kho cuối kỳ		
Tổng giá vốn hàng bán	(% so với doanh thu: 72%)	
Lợi nhuận gộp		
Chi phí hoạt động	(% so với doanh thu: 25%)	
Lợi nhuận hoạt động		
+ Chiết khấu mua hàng	(2%)	
Lãi vay		
Lãi vay nợ dài hạn	(Lãi suất: 11,0%)	
Lãi vay nợ ngắn hạn	(Lãi suất: 10,5%)	
Lợi nhuận trước thuế		
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Lợi nhuận ròng		

d. Lập bảng cân đối kế toán dự kiến cho cả năm 2004

	Giá định	2004
Tiền mặt	(% so với doanh thu: 1.5%)	
Khoản phải thu, ròng	(% so với doanh thu: 12%)	
Hàng tồn kho	(% so với doanh thu: 16%)	
Tài sản lưu động		
Tài sản cố định, ròng	Tăng trưởng như doanh thu	
Tổng tài sản		
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Khoản phải trả	(Số ngày trả chậm: 10)	
Chi phí chưa trả	(Tăng trưởng như doanh thu)	
Vay dài hạn, phần ngắn hạn		
Nợ phải trả ngắn hạn		
Vay dài hạn		
Tổng nợ phải trả		
Vốn chủ sở hữu		
Tổng nợ phải trả và vốn CSH		

e. Dựa vào báo cáo tài chính của Cartwright, hãy tính các hệ số tài chính năm 2002, 2003 và 2004, sau đó đưa ra nhận xét ngắn gọn đối với từng hệ số tài chính:

- Vốn lưu động (working capital)
- Hệ số thanh toán hiện hành
- Hệ số thanh toán nhanh
- Vòng quay các khoản phải thu
- Số ngày bình quân các khoản phải thu
- Vòng quay hàng tồn kho

- Số ngày luân chuyển hàng tồn kho
 - Hệ số gánh nặng lãi vay (interest burden)
 - Hệ số thanh toán lãi vay (interest coverage)
 - Hệ số nợ trên tổng tài sản
 - Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu
 - Số vòng quay tổng tài sản
 - Suất sinh lợi trên doanh thu (ROA)
 - Tỷ suất lợi nhuận ròng (net profit margin)
 - Suất sinh lợi trên vốn đầu tư (ROI, ROA)
 - Suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu
- a. Sử dụng phương trình DuPont, hãy phân tích các yếu tố (hiệu quả hoạt động, hiệu quả quản trị chi phí, gánh nặng lãi vay, gánh nặng thuế, đòn bẩy tài chính...) tác động lên suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu của Cartwright.